

Số: 512/QĐ-PGDĐT

Hải Hậu, ngày 20 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giảm dự toán Ngân sách năm 2021

PHÒNG GIÁO DỤC -ĐÀO TẠO HẢI HẬU

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc giao chỉ tiêu cắt giảm kinh phí chi hội nghị, công tác trong và ngoài nước; tiết kiệm thêm 10% dự toán chi thường xuyên còn lại của năm 2021 theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính Phủ;

Căn cứ Quyết định số 6657/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của UBND huyện Hải Hậu về việc giao chỉ tiêu thực hiện cắt giảm kinh phí chi hội nghị, công tác trong nước; tiết kiệm thêm 10% dự toán chi thường xuyên còn lại của năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 594/UBND-TCKH ngày 15/9/2021 của UBND huyện Hải Hậu về việc thực hiện cắt giảm kinh phí chi hội nghị, công tác trong nước; tiết kiệm thêm 10% dự toán chi thường xuyên còn lại của năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 8126/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của UBND huyện Hải Hậu về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 8129/QĐ-UBND của UBND huyện Hải Hậu ngày 17 tháng 12 năm 2020 về việc Quy định tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 trên địa bàn huyện Hải Hậu;

Căn cứ Quyết định số 691/QĐ-PGDĐT ngày 25/12/2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán ngân sách năm 2021 cho các đơn vị trường học trong toàn huyện;

Căn cứ Quyết định số 372/ QĐ-PGDĐT ngày 14/7/2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc giao chỉ tiêu thực hiện cắt giảm kinh phí chi hội nghị, công tác trong nước; tiết kiệm thêm 10% dự toán chi thường xuyên còn lại của năm 2021 cho QLNN, Sự nghiệp cơ quan phòng giáo dục, các trường Mầm non, Tiểu học, THCS,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giảm dự toán thu, chi Ngân sách nhà nước năm 2021 của QLNN, Sự nghiệp cơ quan phòng giáo dục, các trường Mầm non, Tiểu học, THCS do thực hiện cắt giảm 50% kinh phí chi hội nghị, công tác trong nước; tiết kiệm 10% chi thường xuyên còn lại năm 2021 số tiền là 2.272.064.000 đồng (Hai tỷ, hai trăm bảy mươi hai triệu, không trăm sáu tư nghìn đồng chẵn);

(Có biểu phụ lục 01 đính kèm)

Điều 2: Căn cứ dự toán chi Ngân sách năm 2021 đã giảm, thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3: Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận :

- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện;
- Kho bạc nhà nước huyện;
- Đơn vị sử dụng Ngân sách;
- Lưu Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện.

TRƯỞNG PHÒNG

Vũ Thế Hưng

PHỤ LỤC SỐ 01

(Kèm theo quyết định số 512/QĐ-PGDĐT ngày 20 tháng 09 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính : đồng

SỐ THỨ TỰ	TÊN ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				Địa điểm KBNN nơi đơn vị SDNS giao dịch
		CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, DẠY NGHỀ			...	
		TỔNG SỐ	KINH PHÍ THỰC HIỆN TỰ CHỦ	KINH PHÍ KHÔNG THỰC HIỆN TỰ CHỦ		
1	Quản lý nhà nước	12.300.000	12.300.000			KBNN Hải Hậu
2	Đào tạo bồi dưỡng Phòng Giáo dục	667.764.000		667.764.000		KBNN Hải Hậu
3	Mầm non Hải An	13.200.000	13.200.000			KBNN Hải Hậu
4	Mầm non Hải Anh	19.500.000	19.500.000			KBNN Hải Hậu
5	Mầm non Hải Bắc	9.300.000	9.300.000			KBNN Hải Hậu
6	Mầm non TT Cồn	10.600.000	10.600.000			KBNN Hải Hậu
7	Mầm non Hải Cường	9.700.000	9.700.000			KBNN Hải Hậu
8	Mầm non Hải Châu	11.500.000	11.500.000			KBNN Hải Hậu
9	Mầm non Hải Chính	10.400.000	10.400.000			KBNN Hải Hậu
10	Mầm non Hải Đông	9.800.000	9.800.000			KBNN Hải Hậu
11	Mầm non Hải Đường	17.900.000	17.900.000			KBNN Hải Hậu
12	Mầm non Hải Giang	9.100.000	9.100.000			KBNN Hải Hậu
13	Mầm non Hải Hà	9.600.000	9.600.000			KBNN Hải Hậu
14	Mầm non Hải Hoà	12.100.000	12.100.000			KBNN Hải Hậu
15	Mầm non Hải Hưng	12.700.000	12.700.000			KBNN Hải Hậu
16	Mầm non Hải Long	11.200.000	11.200.000			KBNN Hải Hậu
17	Mầm non Hải Lộc	7.800.000	7.800.000			KBNN Hải Hậu
18	Mầm non Hải Lý	14.400.000	14.400.000			KBNN Hải Hậu
19	Mầm non Hải Nam	11.100.000	11.100.000			KBNN Hải Hậu
20	Mầm non Hải Ninh	9.700.000	9.700.000			KBNN Hải Hậu
21	Mầm non Hải Minh	19.100.000	19.100.000			KBNN Hải Hậu
22	Mầm non Hải Phong	9.400.000	9.400.000			KBNN Hải Hậu
23	Mầm non Hải Phúc	9.500.000	9.500.000			KBNN Hải Hậu
24	Mầm non Hải Phú	13.000.000	13.000.000			KBNN Hải Hậu
25	Mầm non Hải Phương	11.300.000	11.300.000			KBNN Hải Hậu
26	Mầm non Hải Quang	9.500.000	9.500.000			KBNN Hải Hậu
27	Mầm non Hải Sơn	9.500.000	9.500.000			KBNN Hải Hậu
28	Mầm non Hải Tân	10.600.000	10.600.000			KBNN Hải Hậu

SỐ THỨ TỰ	TÊN ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				Địa điểm KBNN nơi đơn vị SDNS giao dịch
		CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, DẠY NGHỀ			...	
		TỔNG SỐ	KINH PHÍ THỰC HIỆN TỰ CHỦ	KINH PHÍ KHÔNG THỰC HIỆN TỰ CHỦ		
29	Mầm non Hải Tây	11.800.000	11.800.000		KBNN Hải Hậu	
30	Mầm non Hải Thanh	9.500.000	9.500.000		KBNN Hải Hậu	
31	Mầm non Thịnh Long	18.300.000	18.300.000		KBNN Hải Hậu	
32	Mầm non Hải Trung	13.900.000	13.900.000		KBNN Hải Hậu	
33	Mầm non Hải Triều	10.200.000	10.200.000		KBNN Hải Hậu	
34	Mầm non Hải Vân	16.500.000	16.500.000		KBNN Hải Hậu	
35	Mầm non Hải Xuân	12.900.000	12.900.000		KBNN Hải Hậu	
36	Mầm non Yên Định	12.700.000	12.700.000		KBNN Hải Hậu	
37	Tiểu học Hải An	18.800.000	18.800.000		KBNN Hải Hậu	
38	Tiểu học Hải Anh	28.800.000	28.800.000		KBNN Hải Hậu	
39	Tiểu học Hải Bắc	14.100.000	14.100.000		KBNN Hải Hậu	
40	Tiểu học TT Côn	19.600.000	19.600.000		KBNN Hải Hậu	
41	Tiểu học Hải Cường	14.800.000	14.800.000		KBNN Hải Hậu	
42	Tiểu học Hải Châu	13.900.000	13.900.000		KBNN Hải Hậu	
43	Tiểu học Hải Chính	14.800.000	14.800.000		KBNN Hải Hậu	
44	Tiểu học Hải Đông	19.400.000	19.400.000		KBNN Hải Hậu	
45	Tiểu học Hải Đường	27.200.000	27.200.000		KBNN Hải Hậu	
46	Tiểu học Hải Giang	13.000.000	13.000.000		KBNN Hải Hậu	
47	Tiểu học Hải Hà	14.700.000	14.700.000		KBNN Hải Hậu	
48	Tiểu học Hải Hoà	19.300.000	19.300.000		KBNN Hải Hậu	
49	Tiểu học Hải Hưng	22.700.000	22.700.000		KBNN Hải Hậu	
50	Tiểu học Hải Long	15.700.000	15.700.000		KBNN Hải Hậu	
51	Tiểu học Hải Lộc	14.000.000	14.000.000		KBNN Hải Hậu	
52	Tiểu học Hải Lý	25.100.000	25.100.000		KBNN Hải Hậu	
53	Tiểu học Hải Nam	16.000.000	16.000.000		KBNN Hải Hậu	
54	Tiểu học Hải Ninh	14.100.000	14.100.000		KBNN Hải Hậu	
55	Tiểu học Hải Minh	39.800.000	39.800.000		KBNN Hải Hậu	
56	Tiểu học Hải Phong	13.300.000	13.300.000		KBNN Hải Hậu	
57	Tiểu học Hải Phúc	15.400.000	15.400.000		KBNN Hải Hậu	
58	Tiểu học Hải Phú	20.100.000	20.100.000		KBNN Hải Hậu	
59	Tiểu học Hải Phương	16.100.000	16.100.000		KBNN Hải Hậu	
60	Tiểu học Hải Quang	15.700.000	15.700.000		KBNN Hải Hậu	
61	Tiểu học Hải Sơn	15.700.000	15.700.000		KBNN Hải Hậu	
62	Tiểu học Hải Tân	13.900.000	13.900.000		KBNN Hải Hậu	

SỐ THỨ TỰ	TÊN ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC			Địa điểm KBNN nơi đơn vị SDNS giao dịch
		CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, DẠY NGHỀ			
		TỔNG SỐ	KINH PHÍ THỰC HIỆN TỰ CHỦ	KINH PHÍ KHÔNG THỰC HIỆN TỰ CHỦ	
63	Tiểu học Hải Tây	16.500.000	16.500.000		KBNN Hải Hậu
64	Tiểu học Hải Thanh	14.200.000	14.200.000		KBNN Hải Hậu
65	Tiểu học Thịnh long	28.500.000	28.500.000		KBNN Hải Hậu
66	Tiểu học Hải Trung	24.700.000	24.700.000		KBNN Hải Hậu
67	Tiểu học Hải Triều	14.700.000	14.700.000		KBNN Hải Hậu
68	Tiểu học Hải Vân	24.500.000	24.500.000		KBNN Hải Hậu
69	Tiểu học Hải Xuân	22.200.000	22.200.000		KBNN Hải Hậu
70	Tiểu học TT Yên Định	19.600.000	19.600.000		KBNN Hải Hậu
71	Trung học cơ sở Hải An	16.100.000	16.100.000		KBNN Hải Hậu
72	Trung học cơ sở Hải Anh	21.400.000	21.400.000		KBNN Hải Hậu
73	Trung học cơ sở Hải Bắc	10.300.000	10.300.000		KBNN Hải Hậu
74	Trung học cơ sở Thị Trấn Cồn	17.500.000	17.500.000		KBNN Hải Hậu
75	Trung học cơ sở Hải Cường	13.400.000	13.400.000		KBNN Hải Hậu
76	Trung học cơ sở Hải Châu	12.600.000	12.600.000		KBNN Hải Hậu
77	Trung học cơ sở Hải Chính	12.100.000	12.100.000		KBNN Hải Hậu
78	Trung học cơ sở Hải Đông	16.000.000	16.000.000		KBNN Hải Hậu
79	Trung học cơ sở Hải Đường	22.400.000	22.400.000		KBNN Hải Hậu
80	Trung học cơ sở Hải Giang	11.000.000	11.000.000		KBNN Hải Hậu
81	Trung học cơ sở Hải Hà	12.400.000	12.400.000		KBNN Hải Hậu
82	Trung học cơ sở Hải Hoà	16.300.000	16.300.000		KBNN Hải Hậu
83	Trung học cơ sở Hải Hưng	19.100.000	19.100.000		KBNN Hải Hậu
84	Trung học cơ sở Hải Long	13.000.000	13.000.000		KBNN Hải Hậu
85	Trung học cơ sở Hải Lộc	12.300.000	12.300.000		KBNN Hải Hậu
86	Trung học cơ sở Hải Lý	19.200.000	19.200.000		KBNN Hải Hậu
87	Trung học cơ sở Hải Nam	14.100.000	14.100.000		KBNN Hải Hậu
88	Trung học cơ sở Hải Ninh	12.300.000	12.300.000		KBNN Hải Hậu
89	Trung học cơ sở Hải Minh	27.500.000	27.500.000		KBNN Hải Hậu
90	Trung học cơ sở Hải Phong	11.900.000	11.900.000		KBNN Hải Hậu
91	Trung học cơ sở Hải Phúc	11.100.000	11.100.000		KBNN Hải Hậu
92	Trung học cơ sở Hải Phú	17.800.000	17.800.000		KBNN Hải Hậu
93	Trung học cơ sở Hải Phương	16.200.000	16.200.000		KBNN Hải Hậu
94	Trung học cơ sở Hải Quang	13.700.000	13.700.000		KBNN Hải Hậu
95	Trung học cơ sở Hải Sơn	13.300.000	13.300.000		KBNN Hải Hậu
96	Trung học cơ sở Hải Tân	11.700.000	11.700.000		KBNN Hải Hậu

SỐ THỨ TỰ	TÊN ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				Địa điểm KBNN nơi đơn vị SDNS giao dịch
		CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, DẠY NGHỀ			...	
		TỔNG SỐ	KINH PHÍ THỰC HIỆN TỰ CHỦ	KINH PHÍ KHÔNG THỰC HIỆN TỰ CHỦ		
97	Trung học cơ sở Hải Tây	13.700.000	13.700.000			KBNN Hải Hậu
98	Trung học cơ sở Hải Thanh	12.000.000	12.000.000			KBNN Hải Hậu
99	Trung học cơ sở TTr Thịnh Long	28.000.000	28.000.000			KBNN Hải Hậu
100	Trung học cơ sở Hải Trung	21.200.000	21.200.000			KBNN Hải Hậu
101	Trung học cơ sở Hải Triều	11.700.000	11.700.000			KBNN Hải Hậu
102	Trung học cơ sở Hải Vân	19.000.000	19.000.000			KBNN Hải Hậu
103	Trung học cơ sở Hải Xuân	17.800.000	17.800.000			KBNN Hải Hậu
104	Trung học cơ sở Yên Định	11.900.000	11.900.000			KBNN Hải Hậu
105	Trung học cơ sở Hải Hậu	13.800.000	13.800.000			KBNN Hải Hậu
Tổng cộng		2.272.064.000	1.604.300.000	667.764.000	0	

Ghi chú: Giảm dự toán ngân sách năm 2021 do thực hiện cắt giảm kinh phí chi hội nghị 50%, tiết kiệm 10 % chi thường xuyên của các tháng cuối năm 2021.



Số: 512/QĐ-PGDĐT

Hải Hậu, ngày 20 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giảm dự toán Ngân sách năm 2021

PHÒNG GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO HẢI HẬU

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc giao chỉ tiêu cắt giảm kinh phí chi hội nghị, công tác trong và ngoài nước; tiết kiệm thêm 10% dự toán chi thường xuyên còn lại của năm 2021 theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính Phủ;

Căn cứ Quyết định số 6657/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của UBND huyện Hải Hậu về việc giao chỉ tiêu thực hiện cắt giảm kinh phí chi hội nghị, công tác trong nước; tiết kiệm thêm 10% dự toán chi thường xuyên còn lại của năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 594/UBND-TCKH ngày 15/9/2021 của UBND huyện Hải Hậu về việc thực hiện cắt giảm kinh phí chi hội nghị, công tác trong nước; tiết kiệm thêm 10% dự toán chi thường xuyên còn lại của năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 8126/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của UBND huyện Hải Hậu về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 8129/QĐ-UBND của UBND huyện Hải Hậu ngày 17 tháng 12 năm 2020 về việc Quy định tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 trên địa bàn huyện Hải Hậu;

Căn cứ Quyết định số 691/QĐ-PGDĐT ngày 25/12/2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán ngân sách năm 2021 cho các đơn vị trường học trong toàn huyện;

Căn cứ Quyết định số 372/QĐ-PGDĐT ngày 14/7/2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc giao chỉ tiêu thực hiện cắt giảm kinh phí chi hội nghị, công tác trong nước; tiết kiệm thêm 10% dự toán chi thường xuyên còn lại của năm 2021 cho QLNN, Sự nghiệp cơ quan phòng giáo dục, các trường Mầm non, Tiểu học, THCS,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giảm dự toán thu, chi Ngân sách nhà nước năm 2021 của QLNN, Sự nghiệp cơ quan phòng giáo dục, các trường Mầm non, Tiểu học, THCS do thực hiện cắt giảm 50% kinh phí chi hội nghị, công tác trong nước; tiết kiệm 10% chi thường xuyên còn lại năm 2021 số tiền là 2.272.064.000 đồng (Hai tỷ, hai trăm bảy mươi hai triệu, không trăm sáu tư nghìn đồng chẵn);

(Có biểu phụ lục 02 đính kèm)

Điều 2: Căn cứ dự toán chi Ngân sách năm 2021 đã giảm, thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3: Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện;
- Kho bạc nhà nước huyện;
- Đơn vị sử dụng Ngân sách;
- Lưu Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện.

TRƯỞNG PHÒNG



Vũ Thế Hưng

PHỤ LỤC SỐ 02

(Kèm theo quyết định số 512/QĐ-PGDĐT ngày 20 tháng 09 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính : đồng

SỐ TT	ĐƠN VỊ	Giảm dự toán năm 2021	Mã QHNN	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN
1	Quản lý nhà nước	12.300.000	1.076.412	622	341	13
2	Đào tạo bồi dưỡng Phòng Giáo dục	667.764.000	1.076.412	622	085	12
3	Mầm non Hải An	13.200.000	1.129.464	622	071	13
4	Mầm non Hải Anh	19.500.000	1.129.463	622	071	13
5	Mầm non Hải Bắc	9.300.000	1.129.462	622	071	13
6	Mầm non TT Côn	10.600.000	1.129.461	622	071	13
7	Mầm non Hải Cường	9.700.000	1.129.460	622	071	13
8	Mầm non Hải Châu	11.500.000	1.129.459	622	071	13
9	Mầm non Hải Chính	10.400.000	1.129.458	622	071	13
10	Mầm non Hải Đông	9.800.000	1.129.457	622	071	13
11	Mầm non Hải Đường	17.900.000	1.129.456	622	071	13
12	Mầm non Hải Giang	9.100.000	1.129.455	622	071	13
13	Mầm non Hải Hà	9.600.000	1.129.454	622	071	13
14	Mầm non Hải Hoà	12.100.000	1.129.453	622	071	13
15	Mầm non Hải Hưng	12.700.000	1.129.452	622	071	13
16	Mầm non Hải Long	11.200.000	1.129.451	622	071	13
17	Mầm non Hải Lộc	7.800.000	1.129.450	622	071	13
18	Mầm non Hải Lý	14.400.000	1.129.449	622	071	13
19	Mầm non Hải Nam	11.100.000	1.129.447	622	071	13
20	Mầm non Hải Ninh	9.700.000	1.129.446	622	071	13
21	Mầm non Hải Minh	19.100.000	1.129.448	622	071	13
22	Mầm non Hải Phong	9.400.000	1.129.445	622	071	13
23	Mầm non Hải Phúc	9.500.000	1.129.443	622	071	13
24	Mầm non Hải Phú	13.000.000	1.129.444	622	071	13
25	Mầm non Hải Phương	11.300.000	1.129.442	622	071	13
26	Mầm non Hải Quang	9.500.000	1.129.441	622	071	13
27	Mầm non Hải Sơn	9.500.000	1.129.440	622	071	13
28	Mầm non Hải Tân	10.600.000	1.129.439	622	071	13

SỐ TT	ĐƠN VỊ	Giảm dự toán năm 2021	Mã QHNN	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN
29	Mầm non Hải Tây	11.800.000	1.129.438	622	071	13
30	Mầm non Hải Thanh	9.500.000	1.129.436	622	071	13
31	Mầm non Thịnh Long	18.300.000	1.129.435	622	071	13
32	Mầm non Hải Trung	13.900.000	1.129.434	622	071	13
33	Mầm non Hải Triều	10.200.000	1.129.433	622	071	13
34	Mầm non Hải Vân	16.500.000	1.129.432	622	071	13
35	Mầm non Hải Xuân	12.900.000	1.129.431	622	071	13
36	Mầm non Yên Định	12.700.000	1.129.430	622	071	13
37	Tiểu học Hải An	18.800.000	1.107.981	622	072	13
38	Tiểu học Hải Anh	28.800.000	1.107.982	622	072	13
39	Tiểu học Hải Bắc	14.100.000	1.107.985	622	072	13
40	Tiểu học TT Côn	19.600.000	1.102.673	622	072	13
41	Tiểu học Hải Cường	14.800.000	1.107.986	622	072	13
42	Tiểu học Hải Châu	13.900.000	1.107.987	622	072	13
43	Tiểu học Hải Chính	14.800.000	1.107.988	622	072	13
44	Tiểu học Hải Đông	19.400.000	1.102.686	622	072	13
45	Tiểu học Hải Đường	27.200.000	1.107.989	622	072	13
46	Tiểu học Hải Giang	13.000.000	1.107.991	622	072	13
47	Tiểu học Hải Hà	14.700.000	1.107.992	622	072	13
48	Tiểu học Hải Hoà	19.300.000	1.102.688	622	072	13
49	Tiểu học Hải Hưng	22.700.000	1.102.690	622	072	13
50	Tiểu học Hải Long	15.700.000	1.107.993	622	072	13
51	Tiểu học Hải Lộc	14.000.000	1.107.994	622	072	13
52	Tiểu học Hải Lý	25.100.000	1.102.691	622	072	13
53	Tiểu học Hải Nam	16.000.000	1.103.983	622	072	13
54	Tiểu học Hải Ninh	14.100.000	1.107.996	622	072	13
55	Tiểu học Hải Minh	39.800.000	1.107.995	622	072	13
56	Tiểu học Hải Phong	13.300.000	1.107.997	622	072	13
57	Tiểu học Hải Phúc	15.400.000	1.107.998	622	072	13
58	Tiểu học Hải Phú	20.100.000	1.102.677	622	072	13
59	Tiểu học Hải Phương	16.100.000	1.102.678	622	072	13
60	Tiểu học Hải Quang	15.700.000	1.107.999	622	072	13

SỐ TT	ĐƠN VỊ	Giảm dự toán năm 2021	Mã QHNN	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN
61	Tiểu học Hải Sơn	15.700.000	1.108.000	622	072	13
62	Tiểu học Hải Tân	13.900.000	1.108.001	622	072	13
63	Tiểu học Hải Tây	16.500.000	1.108.003	622	072	13
64	Tiểu học Hải Thanh	14.200.000	1.108.005	622	072	13
65	Tiểu học Thịnh long	28.500.000	1.102.679	622	072	13
66	Tiểu học Hải Trung	24.700.000	1.102.681	622	072	13
67	Tiểu học Hải Triều	14.700.000	1.108.008	622	072	13
68	Tiểu học Hải Vân	24.500.000	1.102.684	622	072	13
69	Tiểu học Hải Xuân	22.200.000	1.102.685	622	072	13
70	Tiểu học TT Yên Định	19.600.000	1.108.009	622	072	13
71	Trung học cơ sở Hải An	16.100.000	1.004.331	622	073	13
72	Trung học cơ sở Hải Anh	21.400.000	1.004.332	622	073	13
73	Trung học cơ sở Hải Bắc	10.300.000	1.004.452	622	073	13
74	Trung học cơ sở Thị Trấn Cồn	17.500.000	1.001.415	622	073	13
75	Trung học cơ sở Hải Cường	13.400.000	1.001.416	622	073	13
76	Trung học cơ sở Hải Châu	12.600.000	1.004.621	622	073	13
77	Trung học cơ sở Hải Chính	12.100.000	1.004.622	622	073	13
78	Trung học cơ sở Hải Đông	16.000.000	1.004.623	622	073	13
79	Trung học cơ sở Hải Đường	22.400.000	1.001.418	622	073	13
80	Trung học cơ sở Hải Giang	11.000.000	1.001.420	622	073	13
81	Trung học cơ sở Hải Hà	12.400.000	1.004.725	622	073	13
82	Trung học cơ sở Hải Hoà	16.300.000	1.001.432	622	073	13
83	Trung học cơ sở Hải Hưng	19.100.000	1.001.433	622	073	13
84	Trung học cơ sở Hải Long	13.000.000	1.001.434	622	073	13
85	Trung học cơ sở Hải Lộc	12.300.000	1.001.435	622	073	13
86	Trung học cơ sở Hải Lý	19.200.000	1.001.436	622	073	13
87	Trung học cơ sở Hải Nam	14.100.000	1.001.427	622	073	13
88	Trung học cơ sở Hải Ninh	12.300.000	1.010.122	622	073	13
89	Trung học cơ sở Hải Minh	27.500.000	1.010.092	622	073	13
90	Trung học cơ sở Hải Phong	11.900.000	1.010.085	622	073	13
91	Trung học cơ sở Hải Phúc	11.100.000	1.010.086	622	073	13
92	Trung học cơ sở Hải Phú	17.800.000	1.010.087	622	073	13

SỐ TT	ĐƠN VỊ	Giảm dự toán năm 2021	Mã QHNN	Mã chương	Mã ngành KT	Mã nguồn NSNN
93	Trung học cơ sở Hải Phương	16.200.000	1.002.589	622	073	13
94	Trung học cơ sở Hải Quang	13.700.000	1.010.088	622	073	13
95	Trung học cơ sở Hải Sơn	13.300.000	1.010.125	622	073	13
96	Trung học cơ sở Hải Tân	11.700.000	1.080.195	622	073	13
97	Trung học cơ sở Hải Tây	13.700.000	1.079.949	622	073	13
98	Trung học cơ sở Hải Thanh	12.000.000	1.080.051	622	073	13
99	Trung học cơ sở TTr Thịnh Long	28.000.000	1.010.095	622	073	13
100	Trung học cơ sở Hải Trung	21.200.000	1.010.096	622	073	13
101	Trung học cơ sở Hải Triều	11.700.000	1.002.486	622	073	13
102	Trung học cơ sở Hải Vân	19.000.000	1.001.858	622	073	13
103	Trung học cơ sở Hải Xuân	17.800.000	1.002.592	622	073	13
104	Trung học cơ sở Yên Định	11.900.000	1.002.593	622	073	13
105	Trung học cơ sở Hải Hậu	13.800.000	1.002.487	622	073	13
Tổng cộng		2.272.064.000				

Ghi chú: Giảm dự toán ngân sách năm 2021 do thực hiện cắt giảm kinh phí chi hội nghị 50%, tiết kiệm 10 % chi thường xuyên của các tháng cuối năm 2021.